

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 83/2020/KDTM-ST

Ngày: 22-9-2020

V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Mai Thị Bích Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Bảo Lâm.
2. Ông Nguyễn Xuân Thảo

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Gấm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 và 22 tháng 9 năm 2020, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận Tân Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 33/2020/TLST-KDTM ngày 20 tháng 3 năm 2020 về : “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 260/2020/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần S

Trụ sở: Đường T, phường Đ, Quận S1, Thành phố O

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị N. H hoặc bà Đinh Thị T. C (Theo giấy ủy quyền số 03/2020/UQ ngày 26/02/2020). (bà H có mặt)

Bị đơn: Công ty Cổ phần B (vắng mặt)

Trụ sở: Đường P, Phường 2, quận N, Thành phố O.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi V. M, sinh năm 1965; địa chỉ: Đường Q, Phường K, quận G, Thành phố O.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26 tháng 02 năm 2020 cũng như các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là Công ty CP S (sau đây gọi là nguyên đơn) do bà Đinh Thị T. C là người đại diện theo ủy quyền trình bày: Ngày 18/8/2018, nguyên đơn và Công ty Cổ phần B (sau đây gọi là bị đơn) có ký kết Hợp đồng kinh tế số 922/2018/HĐKT/TGN và ngày 09/01/2019 ký tiếp Phụ lục hợp đồng số 09/2019/PL/TGN về việc nguyên đơn cung cấp bê tông thương phẩm cho bị đơn. Vào khoảng tháng 4/2019, hai bên ký biên bản xác nhận công nợ phát sinh từ ngày

01/4/2019 đến ngày 30/4/2019 theo đó bị đơn còn nợ số tiền 218.820.000 đồng. Từ ngày ký biên bản xác nhận công nợ cho đến tháng 8 năm 2019, nguyên đơn tiếp tục cung cấp bê tông cho bị đơn có giá trị khối lượng theo các hóa đơn giá trị gia tăng cụ thể như sau:

- Hóa đơn số 0002497 xuất ngày 28/5/2019 số tiền 684.070.000 đồng;
- Hóa đơn số 0004067 xuất ngày 19/7/2019 số tiền 451.580.000 đồng;
- Hóa đơn số 0004381 xuất ngày 31/7/2019 số tiền 58.960.000 đồng;
- Hóa đơn số 0004738 xuất ngày 21/8/2019 số tiền 58.960.000 đồng.

Sau đó, bị đơn có chuyển khoản thanh toán thêm số tiền 890.000.000 đồng qua 3 đợt như sau :

- Ngày 03/5/2019 thanh toán 100.000.000 đồng;
- Ngày 24/6/2019 thanh toán 440.000.000 đồng;
- Ngày 08/10/2019 thanh toán 350.000.000 đồng.

Kể từ đợt thanh toán cuối cùng đến nay, bị đơn vẫn không thanh toán thêm bất cứ khoản nào. Nay, nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải trả ngay một lần số tiền gốc 582.390.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán tính theo lãi suất quy định của pháp luật là 10%/năm (0,83%/tháng) khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Bà Huỳnh Thị N. H là đồng đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Bà Đinh Thị T. C sẽ thay mặt bà trình bày ý kiến, quyết định mọi vấn đề liên quan trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa xét xử. Mọi ý kiến của bà C cũng là ý kiến của bà.

Tại công văn số 340/CT-KH ngày 29/6/2020 gửi Tòa án nhân dân quận Tân Bình, bị đơn – Công ty Cổ phần B trình bày: Bị đơn có ký kết các hợp đồng 922/2018/HĐKT/TGN và Phụ lục hợp đồng số 09/2019/PL/TGN với nguyên đơn về việc cung cấp bê tông cho công trình Nhà máy X55 thi công. Quá trình thực hiện hợp đồng do gặp khó khăn về tài chính nên bị đơn chưa thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán cho nguyên đơn số tiền 582.390.000 đồng. Bị đơn mong được gia hạn thời gian thanh toán đến tháng 12/2020, được thanh toán làm nhiều đợt và xin miễn tính lãi.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do bị đơn vắng mặt và nguyên đơn có đơn yêu cầu không tiến hành hòa giải.

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà Đinh Thị T. C – đại diện nguyên đơn trình bày: Bà vẫn giữ những lời trình bày trước đây. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả ngay một lần số tiền gốc 582.390.000 đồng. Đối với số tiền bị đơn đã trả là 890.000.000 đồng được trừ vào số tiền công nợ 218.820.000 đồng và số tiền nợ 684.070.000 đồng phát sinh theo hóa đơn 000249 nên tiền nợ còn lại của hóa đơn này là 12.890.000 đồng. Tiền lãi quá hạn được tính trên từng số tiền gốc còn thiếu của từng hóa đơn giá trị gia tăng (GTGT) được tính sau 15 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn đến ngày 17/9/2020 theo mức lãi suất 0,83%/tháng với tổng số tiền lãi cụ thể như sau:

Ngày xuất hóa đơn	Số hóa đơn	Số tiền gốc còn thiếu (đ)	Thời gian bắt đầu tính lãi đến 17/9/2020	Số tháng	Số tiền lãi quá hạn chậm thanh toán (đ)
-------------------	------------	---------------------------	--	----------	---

28/5/2019	0002497	12.890.000	460 ngày (tính từ 12/6/2019)	15,33	1.640.111
19/7/2019	0004067	451.580.000	409 ngày (tính từ 03/8//2019)	13,63	51.086.794
31/7/2019	0004381	58.960.000	397 ngày (tính từ 15/8/2019)	13,23	6.474.339
21/8/2019	0004738	58.960.000	377 ngày (tính từ 05/9/2019)	12,57	6.151.356
Tổng					65.352.600

Tổng số tiền bị đơn phải trả cho nguyên đơn là 647.742.600 đồng. Yêu cầu trả một lần ngay sau khi bản án của Tòa có hiệu lực pháp luật. Ngoài ra bị đơn phải tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 18/9/2020 cho đến khi thanh toán hoặc thi hành án xong.

Bị đơn vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi có Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán thực hiện đúng quy định của pháp luật và tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đại diện nguyên đơn tại phiên tòa ngày hôm nay thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận theo quy định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về thẩm quyền: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện bị đơn có địa chỉ trụ sở chính tại quận Tân Bình nên Tòa án nhân dân quận Tân Bình thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

[1.4] Quá trình tố tụng, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết hợp lệ tại trụ sở và địa chỉ của người đại diện theo pháp luật của bị đơn thông báo về việc thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa

giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn, người đại diện theo pháp luật của bị đơn vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án để xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn thanh toán số tiền gốc 582.390.000 đồng, thấy: Theo hợp đồng mua bán hàng hóa giữa hai bên thể hiện tại thời điểm giao kết các chủ thể có đầy đủ năng lực pháp luật, trên nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, không trái pháp luật và về hình thức, nội dung của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật nên phát sinh hiệu lực giữa các bên ký kết. Mặt khác, bị đơn đã xác nhận số tiền gốc còn thiếu như nguyên đơn yêu cầu nhưng lại không thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo quy định tại Điều 50 Luật thương mại. Do đó, Hội đồng xét xử xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền gốc 582.390.000 đồng.

[2.2] Về yêu cầu tính lãi do chậm thanh toán: Theo mục 3.5 Điều 3 của hợp đồng trên, các bên thỏa thuận về việc thanh toán trễ hạn: “Nếu bên B thanh toán chậm so với quy định trên, bên B sẽ thanh toán thêm cho bên A khoản phạt chậm trả theo lãi suất vay của Ngân hàng trên tổng số tiền chậm trả và thời gian chậm trả không được quá 7 ngày”. Xét, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán quá thời hạn thỏa thuận nên phải chịu lãi theo Điều 306 Luật Thương mại năm 2005: “Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”. Do đó yêu cầu này là có cơ sở chấp nhận.

Về mức lãi suất: Theo biểu lãi suất cho vay bằng đồng Việt nam đối với khách hàng là tổ chức kinh tế của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam (Agribank) không thấp hơn 10%/năm, của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam (Viettinbank) là 9,5 %/năm và của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank) là 11,10%/năm. Lãi suất quá hạn trung bình của 03 Ngân hàng trên là: $(10\% + 9,5\% + 11,10\%) \times 150\% / 3 = 15,3\% / \text{năm}$, tương đương 1,275%/tháng. Vậy mức lãi suất nguyên đơn yêu cầu 0,83% tháng là có lợi cho bị đơn nên hội đồng xét xử chấp nhận.

Về thời gian tính lãi: Đối chiếu với thỏa thuận của các bên tại Điều 3 về Điều khoản thanh toán, cụ thể mục 3.3 quy định Phương thức thanh toán của hợp đồng kinh tế số 922/2018/HĐKT/TGN ngày 18/8/2018 như sau: “Căn cứ vào mỗi đợt đặt hàng bên B thanh toán cho bên A theo phương thức sau: Bên B thanh toán cho bên A trong vòng 15 ngày kể từ ngày nhận hàng...” Theo các biên bản giao nhận và khối lượng xác nhận khối lượng bê tông tương ứng với 4 Hóa đơn giá trị gia tăng trên (số tiền tương ứng mỗi giá trị hóa đơn giá trị gia tăng đã xuất đều ứng với các biên bản giao nhận khối lượng bê tông, phiếu xác nhận khối lượng bơm bê tông do hai bên đã ký) thì ngày xuất hóa đơn luôn được phát hành sau ngày nhận hàng do đó việc nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán sau 15 ngày kể từ ngày xuất hóa đơn là có lợi cho bị đơn nên chấp nhận. Ngoài ra, đối với số công nợ còn thiếu tính đến 30/4/2019 là 218.820.000

đồng và số tiền nợ phát sinh 684.070.000 đồng theo hóa đơn 0002497 ngày 28/5/2019 thì qua nhiều đợt thanh toán đến ngày 08/10/2019 bị đơn mới còn nợ lại 12.890.000 đồng nhưng nguyên đơn yêu cầu lãi trên số tiền nợ này kể từ ngày 12/6/2009 là có lợi cho bị đơn và qua xem xét cách tính số tiền lãi mà nguyên đơn đã tính 65.352.600 đồng là chính xác nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Về yêu cầu xem xét miễn trả lãi của bị đơn: Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán và phía nguyên đơn không đồng ý việc miễn trả lãi của bị đơn nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu này của bị đơn.

[2.3] Về thời hạn và phương thức thanh toán: Xét bị đơn vi phạm nghĩa vụ và có yêu cầu được gia hạn thời gian thanh toán đến tháng 12/2020 và được trả dần nhiều đợt nhưng nguyên đơn không đồng ý nên không được chấp nhận.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

[2.4] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí trên toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã đóng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 24, 50, 55 và Điều 306 Luật Thương mại năm 2005.

Căn cứ Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Áp dụng Án lệ số 09/2016/AL ngày 07 tháng 10 năm 2016 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao về xác định lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường và việc trả lãi trên số tiền phạt vi phạm, bồi thường thiệt hại.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – Công ty Cổ phần S.

1.1 Buộc Công ty Cổ phần B thanh toán số tiền còn nợ tính đến ngày 17/9/2020 cho Công ty Cổ phần S số tiền là 647.742.600 đồng (Sáu trăm bốn mươi bảy triệu bảy trăm bốn mươi hai ngàn sáu trăm đồng) bao gồm tiền gốc 582.390.000 đồng (Năm trăm tám mươi hai triệu ba trăm chín mươi ngàn đồng) và tiền lãi do chậm thanh toán là 65.352.600 đồng (Sáu mươi lăm triệu ba trăm năm mươi hai ngàn sáu trăm đồng).

Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2 Bị đơn tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh từ ngày 18/9/2020 trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí 29.909.704 đồng (Hai mươi chín triệu chín trăm lẻ chín ngàn bảy trăm lẻ bốn đồng).

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.174.016 đồng (Mười bốn triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn không trăm mười sáu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0016xxx ngày xx tháng x năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Bích Thảo

1.2 Bị đơn tiếp tục thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi phát sinh từ ngày 18/9/2020 trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả cho đến khi thi hành án xong.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí 29.909.704 đồng (Hai mươi chín triệu chín trăm lẻ chín ngàn bảy trăm lẻ bốn đồng).

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.174.016 đồng (Mười bốn triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn không trăm mười sáu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0016086 ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bảo Lâm

Nguyễn Xuân Thảo

Mai Thị Bích Thảo

1.2 Trường hợp bị đơn chậm thanh toán thì nguyên đơn có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả.

3. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí 29.909.704 đồng (Hai mươi chín triệu chín trăm lẻ chín ngàn bảy trăm lẻ bốn đồng).

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 14.174.016 đồng (Mười bốn triệu một trăm bảy mươi bốn ngàn không trăm mười sáu đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0016086 ngày 12 tháng 3 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc Tòa án niêm yết bản án hợp lệ. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.TB;
- CCTHADS Q.TB;
- Các đương sự;
- Lưu VP, Hồ sơ (...).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Bích Thảo